

I. Mở bài

Hội nhập quốc tế đòi hỏi sự hài hòa pháp luật giữa các quốc gia. Sự không tương thích trong pháp luật của các quốc gia đã tạo ra những rào cản cho hội nhập quốc tế. Các công ước quốc tế được coi là những chuẩn mực pháp lý nhằm đạt được sự hài hòa giữa các quốc gia trong lĩnh vực luật nhất định. Các quốc gia phải tuân thủ những thỏa thuận quốc tế mà họ kí kết. Do đó trong lĩnh vực liên quan tới sở hữu trí tuệ Việt Nam cũng phải tuân thủ các quy định tối thiểu của Hiệp định TRIPS.

II. Nội dung

1. Đánh giá thực trạng pháp luật Việt Nam trên các cơ sở chuẩn mực quốc tế về thực thi quyền SHCN

Hiện nay tại Luật sở hữu trí tuệ năm 2005, quyền sở hữu công nghiệp được quy định tại phần thứ ba của luật. Tại phần này, quy định các đối tượng được bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp bao gồm: nhãn hiệu hàng hóa, chỉ dẫn địa lí, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế, thiết kế bố trí mạch tích hợp. Ngoài ra còn quy định về việc xác lập, chủ thể, nội dung, giới hạn quyền sở hữu công nghiệp, đại diện sở hữu công nghiệp và các biện pháp thúc đẩy hoạt động sở hữu công nghiệp. Các quy định này có thể nói là khá phù hợp với các tiêu chí quốc tế cũng như là quy định của hiệp định TRIPS. Cùng với đó tại Điều 3 Nghị định số 103/2006/NĐ- CP nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp đã quy định cụ thể nhiệm vụ của từng cơ quan nhà nước trong việc thực hiện trách nhiệm quản lí nhà nước về sở hữu công nghiệp. Theo đó:

* Bộ khoa học và công nghệ có trách nhiệm:

- Xây dựng, tổ chức thực hiện chiến lược, chính sách bảo hộ quyền SHCN.
- Ban hành, trình cấp có thẩm quyền ban hành, tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật về SHCN.
- Tổ chức hệ thống cơ quan thực hiện chức năng quản lí nhà nước về SHCN.
- Hướng dẫn nghiệp vụ, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về SHCN.
- Tổ chức thực hiện xác lập quyền SHCN, đăng kí hợp đồng chuyển giao quyền SHCN và thực hiện các thủ tục khác liên quan đến văn bằng bảo hộ quyền SHCN.
- Thực hiện quyền bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế theo quy định tại Điều 147 của Luật sở hữu trí tuệ.
- Chủ trì hoặc phối hợp thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, Nhà nước và xã hội về SHCN.
- Quản lí hoạt động giám định SHCN; cấp Thẻ giám định viên SHCN.
- Kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về SHCN, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lí vi phạm pháp luật về SHCN.

- Tổ chức hoạt động thông tin, thống kê về SHCN.
 - Tổ chức thực hiện giáo dục, tuyên truyền, phổ biến kiến thức, chính sách pháp luật về sở hữu công nghiệp.
 - Chủ trì, phối hợp với bộ giáo dục và đào tạo, bộ tư pháp xây dựng chương trình đào tạo, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, pháp luật về sở hữu công nghiệp.
 - Hợp tác quốc tế về sở hữu công nghiệp; đề xuất xử lý các vấn đề tranh chấp giữa Việt Nam và các quốc gia khác về sở hữu công nghiệp.
- Cục Sở hữu trí tuệ* là cơ quan thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ khoa học và Công nghệ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp. Bộ trưởng Bộ khoa học và công nghệ quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Cục Sở hữu trí tuệ.
- * Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm sau đây trong quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp tại địa phương;
 - Tổ chức thực hiện chính sách pháp luật về sở hữu công nghiệp.
 - Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy định của địa phương về sở hữu công nghiệp.
 - Tổ chức hệ thống quản lý hoạt động sở hữu công nghiệp tại địa phương và thực hiện các biện pháp nhằm tăng cường hiệu quả của hệ thống đó.
 - Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức, chính sách pháp luật về sở hữu công nghiệp, thực hiện các biện pháp đẩy mạnh hoạt động sở hữu công nghiệp.
 - Hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tiến hành các thủ tục về sở hữu công nghiệp.
 - Phối hợp với các cơ quan liên quan trong hoạt động bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp và xử lý vi phạm pháp luật về sở hữu công nghiệp.
 - Kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về sở hữu công nghiệp, giải quyết khiếu nại tố cáo về sở hữu công nghiệp tại địa phương.
 - Quản lý chỉ dẫn địa lý thuộc địa phương.
 - Hợp tác quốc tế về sở hữu công nghiệp tại địa phương.
- Sở khoa học và công nghệ* là cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân thực hiện chức năng quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp tại địa phương. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở khoa học và công nghệ.
- * Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo việc thực hiện pháp luật về sở hữu công nghiệp và quản lý các đối tượng sở hữu công nghiệp do cơ quan mình quản lý.

2, Quy định về các biện pháp thực thi quyền sở hữu trí tuệ

Trong việc quy định các biện pháp thực thi quyền Sở hữu trí tuệ: Theo quy định của Hiệp định mỗi Chính phủ phải là thành viên của Hiệp định phải có nghĩa vụ quy định trong luật quốc gia của mình các thủ tục và các chế tài để đảm bảo cho

các chủ sở hữu nước ngoài cũng như các chủ sở hữu là công dân chính nước đó có thể thực thi một cách có hiệu quả quyền sở hữu trí tuệ của mình. Các biện pháp thực thi quyền sở hữu trí tuệ được quy định trong Hiệp định gồm: biện pháp dân sự, biện pháp hành chính, biện pháp kiểm soát biên giới, các biện pháp tạm thời, biện pháp hình sự.

Tại các văn bản pháp luật của nước ta cũng đã quy định cụ thể về việc thi quyền SHCN bao gồm:

+ *Biện pháp dân sự*: Tại chương XXXV Bộ luật dân sự năm 2005 đã quy định cụ thể về quyền SHCN, Điều 750 quy định về đối tượng của SHCN, Điều 751 quy định nội dung quyền SHCN, Điều 752 quy định căn cứ xác lập quyền SHCN, Điều 753 quy định về việc chuyển giao quyền SHCN. Theo đó thì quyền SHCN cũng là một trong các quyền năng của chủ sở hữu được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 255 - quy định các biện pháp bảo vệ quyền sở hữu: “ *chủ sở hữu, người chiếm hữu hợp pháp có quyền yêu cầu Tòa án, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khác buộc người có hành vi xâm phạm quyền sở hữu, quyền chiếm hữu phải trả lại tài sản, chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền sở hữu, quyền chiếm hữu và yêu cầu bồi thường thiệt hại.*

Chủ sở hữu, người chiếm hữu hợp pháp có quyền tự bảo vệ tài sản thuộc sở hữu của mình, tài sản đang chiếm hữu hợp pháp bằng những biện pháp theo quy định của pháp luật”.

+ *Biện pháp hành chính*: Theo pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính năm 2002 (đã được sửa đổi, bổ sung tháng 3/ 2007 và tháng 4/ 2008) quy định việc xử phạt hành chính được áp dụng đối với trường hợp “ *cá nhân, cơ quan, tổ chức có hành vi cố ý hoặc vô ý vi phạm các quy định của pháp luật về quản lý nhà nước mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt hành chính”.* Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính, cá nhân, tổ chức vi phạm sẽ phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính là cảnh cáo và phạt tiền ngoài ra còn có thể áp dụng một số hình phạt bổ sung khác. Riêng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ thì mức phạt tiền tối đa lên tới 500.000.000 đồng, mức phạt này đã được quy định tại điểm đ, khoản 2 Điều 14: “ *Phạt tiền tối đa đến 500.000.000 đồng cũng được áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính trong các lĩnh vực; bảo vệ môi trường; chứng khoán; xây dựng; đất đai; ngân hàng; sở hữu trí tuệ; quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản; nghiên cứu, thăm dò và khai thác nguồn lợi hải sản, dầu khí và các loại khoáng sản khác”.*

+ *Biện pháp kiểm soát biên giới*: Ta có thể thấy sự thể hiện của biện pháp này thông qua việc bảo vệ quyền sở hữu bằng biện pháp hải quan. Sau khi luật hải quan năm 2001 được ban hành, công tác tham mưu, hướng dẫn về công tác thực thi bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ được giao cho Cục giám sát pháp lý (nay là vụ giám sát pháp lý) thuộc Tổng cục hải quan tổ chức thực hiện. Theo Luật sở hữu trí tuệ năm 2005(đã sửa đổi, bổ sung) đã quy định các biện pháp hành hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến Sở hữu trí tuệ, bao gồm:

- *Tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa bị nghi ngờ vi phạm quyền sở hữu trí tuệ.*

- Kiểm tra, giám sát để phát hiện hàng hóa có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

+ *Các biện pháp tạm thời*: Tại Hiệp định TRIPS và pháp luật của nhiều nước trên thế giới đều quy định về biện pháp khẩn cấp tạm thời với ý nghĩa là một công cụ hữu hiệu trong bảo hộ quyền SHCN. Khi chưa có Bộ luật tố tụng dân sự thì chúng ta chưa quy định vấn đề này. Nhưng hiện nay, Tại Điều 99 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004 đã quy định cụ thể về quyền yêu cầu áp dụng các biện pháp khẩn cấp, tạm thời, và tại Điều 102 đã quy định cụ thể 13 biện pháp khẩn cấp tạm thời, có thể thấy rằng với việc quy định này thì đã góp phần quan trọng trong việc vấn đề bảo hộ quyền SHCN, ví dụ như: ngăn chặn, khắc phục phần nào đó thiệt hại do hành vi vi phạm quyền SHCN gây ra, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu thập đánh giá, bảo vệ các chứng cứ...

+ *Biện pháp hình sự*: Trong bộ luật hình sự Việt Nam năm 1985 không có quy định trực tiếp bảo hộ quyền SHCN. Tuy nhiên có hai điều luật: Điều 126 – “*Tội xâm phạm quyền tác giả, quyền sáng chế, phát minh*” và Điều 167 – “*Tội làm Hàng giả, tội buôn bán hàng giả*” đã quy định gián tiếp bảo hộ một số đối tượng của SHCN. Tại Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009) đã khắc phục được những hạn chế của bộ luật hình sự năm 1985. Cụ thể: Bộ luật hình sự năm 1999 đã tách hành vi làm hàng giả là lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh ra khỏi Điều 167 cũ (Điều 157 Bộ luật hình sự mới) để quy định thành tội danh riêng tại Điều 157 có hình phạt nặng hơn với lý do hàng giả là lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh không chỉ gây tổn hại đến lợi ích kinh tế của người tiêu dùng mà còn có thể gây nguy hiểm trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe của con người. Tội làm hàng giả quy định tại Điều 167 BLHS năm 1985 đã được tách ra để quy định thành ba tội danh độc lập tại các Điều 156, Điều 157, Điều 158 trong bộ luật hình sự mới với đường lối xử lý khác nhau. Điều 156, Điều 158 quy định hình phạt cao nhất là tử hình, điều này khẳng định sự trừng phạt nghiêm khắc của pháp luật đối với hành vi xâm phạm SHCN, tùy thuộc vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà có các mức phạt tương ứng. Ngoài ra, để đáp ứng yêu cầu thực tế của nền kinh tế thị trường về việc bảo hộ quyền SHCN của các tổ chức, cá nhân, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng, BLHS năm 1999 còn quy định mới về tội xâm phạm quyền SHCN tại Điều 171.

3, Một số những khó khăn bất cập trong quy định của pháp luật và trong việc thực thi quyền SHCN. Một số giải pháp khắc phục

- Hiện nay do những khe hở của pháp luật mà tội phạm có thể lợi dụng để xâm phạm SHCN:

Các biện pháp ngăn chặn nhanh chóng và có hiệu lực áp dụng phổ biến với người sử dụng trái phép nhãn hiệu hàng hóa thường thực hiện công việc kinh doanh ở nhiều địa chỉ khác nhau, nên trong trường hợp họ thực hiện hành vi phạm tội khó có thể tìm ra ngay. Thường chỉ phát hiện ra họ khi tiến hành trong một thời gian dài và kỹ lưỡng, do đó cần phải áp dụng các biện pháp ngăn chặn tạm thời

như lệnh ngăn cấm tạm thời. Bằng biện pháp tạm thời này hàng giả có thể bị tịch thu và chủ sở hữu số hàng này buộc phải báo cáo cho chủ sở hữu nhãn hiệu hàng hóa đích thực về nguồn gốc hàng hóa đó. Vì hành vi làm hàng giả là một hiện tượng xảy ra trong thương mại quốc tế cần phải trao quyền cho cơ quan hải quan kiểm tra hàng hóa tại biên giới quốc gia và tịch thu hàng giả theo yêu cầu của chủ sở hữu nhãn hiệu hàng hóa.

Theo ý kiến của nhóm em để ngăn ngừa tội phạm xâm phạm SHCN thì trước hết luật hình sự phải quy định hình phạt nghiêm khắc kể cả phạt tù. Đồng thời các cơ quan tư pháp tiến hành tố tụng phải phát hiện kịp thời mọi hành vi phạm tội xâm phạm SHCN để xử lý nhanh chóng, công minh theo đúng pháp luật. Cần phải quy định rõ cơ quan nào có thẩm quyền giám định để xác định hành vi vi phạm: nên quy định thẩm quyền giám định thuộc về thanh tra chuyên ngành của Bộ khoa học- công nghệ và các sở khoa học công nghệ vì đây là các cơ quan quản lý Nhà nước, chúng ta nên giao thẩm quyền này cho cơ quan chuyên trách. Như vậy sẽ đảm bảo được tính khách quan của công tác giám định.

Các tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất – kinh doanh phải tự bảo vệ mình bằng nhiều biện pháp như: đổi mới công nghệ sản xuất, phải đăng kí chất lượng và nhãn sản phẩm, đăng kí bảo hộ quyền SHCN đối với nhãn hiệu hàng hóa của mình theo quy định của nhà nước.

Tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi xâm phạm quyền SHCN không cấu thành tội phạm, ngoài việc phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho chủ sở hữu theo quy định của luật dân sự, có thể chịu phạt theo quy định của pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính.

- Đối với hoạt động của các cơ quan hải quan mới chỉ dừng ở mức độ mang tính nghiên cứu, chưa triển khai được các tác nghiệp cụ thể, số lượng yêu cầu kiểm tra giám sát còn ít, chưa có sự phối hợp giữa lực lượng làm công tác tham mưu, giám sát quản lý với lực lượng chống buôn lậu trong công tác trao đổi thông tin, đấu tranh bắt giữ và xử lý hành vi xuất nhập khẩu hàng giả xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; hiệu quả hợp tác quốc tế và phối hợp với doanh nghiệp chủ sở hữu quyền còn hạn chế. Vì vậy cần phải thiết lập đơn vị chuyên trách tại tổng cục hải quan và cục hải quan các tỉnh, thành phố đảm nhiệm chức năng tham mưu và đấu tranh trực tiếp với các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ ; ban hành kịp thời quy định thống nhất công tác xử lý đối với hàng hóa nhập lậu, hàng hóa vận chuyển trái phép bị bắt giữ có liên quan đến hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; xây dựng kế hoạch cụ thể và lộ trình đào tạo bồi dưỡng kỹ năng, kiến thức liên tục, tăng cường trình độ nhận thức của trình độ hải quan về công tác thực thi bảo vệ quyền sở hữu.

- Hiện nay các vụ việc tranh chấp về Sở hữu trí tuệ đã ngày càng trở nên một phức tạp và tính gay gắt ngày càng một cao, nhưng chuyên môn của các cơ quan giải quyết và xét xử thì không được cải thiện là bao. Tòa án cấp huyện chưa có thể đủ chuyên môn xét xử các tranh chấp loại này tạo nên tâm lý và dư luận không tốt trong xã hội. Hơn nữa họ lại không quyết liệt trong phán xử, đôi khi để lại hậu quả nghiêm trọng cho xã hội.

- Thêm vào đó điều cần bàn là các chế tài và các biện pháp thực thi chưa đủ mạnh để áp dụng và thi hành sao cho hiệu quả nhất. Các biện pháp phòng ngừa còn tỏ ra kém hữu hiệu, khả năng răn đe chưa cao, các cơ quan thực thi từ hành chính cho tới Tòa án cũng như các cơ quản lí còn nhiều vấn đề chưa thực sự mạnh, sự phối hợp trong điều hành, xử lí còn nhiều vướng mắc. Một trong những vướng mắc hiển nhiên ai cũng thấy rõ đó là cùng một loại quan hệ Sở hữu trí tuệ nhưng quyền tác giả do Bộ văn hóa quản lí còn quyền SHCN lại do Bộ Khoa học-Công nghệ quản lí sự phối hợp này đôi khi gây trở ngại cho các chủ sở hữu cũng như sử dụng.

Ngoài ra nên thực hiện một số biện pháp sau để nhằm hoàn thiện hơn nữa trong việc thực thi các quy định liên quan đến thực thi quyền SHCN;

- Nâng cao trình độ cán bộ chuyên trách: Hiện nay nhiều người cho rằng hầu hết các thẩm phán chưa có trình độ chuyên môn tương xứng trong để giải quyết các tranh chấp về SHCN. Không chỉ riêng các thẩm phán ở các tòa án nhân dân mà cả các cán bộ của Ủy ban nhân dân, hải quan, cảnh sát kinh tế, quản lí thị trường còn lúng túng trong việc xác định hành vi vi phạm quyền SHCN. Thực tiễn cho thấy, hành vi vi phạm quyền SHCN được xác định dựa vào ba yếu tố chính:

+ Sự tương đồng giữa đối tượng đang sử dụng và đối tượng được bảo hộ. Vấn đề mấu chốt của tiêu chí này là đối tượng đang sử dụng có trùng hoặc tương tự tới mức gây nhầm lẫn với đối tượng được bảo hộ trong một bộ phận người tiêu dùng hay không? Thực tế trong nhiều vụ việc nguyên đơn đã phải tiến hành những khảo sát thị trường để trả lời câu hỏi người tiêu dùng có nhầm lẫn không? (Ví dụ trong vụ xà phòng Safe quard của P & G và xà phòng Lifebouy của Unilever).

+ Thời điểm đối tượng được sử dụng. Về nguyên tắc, hành vi xảy ra trong thời hạn hiệu lực của văn bằng bảo hộ sẽ bị coi là hành vi vi phạm.

+ Hoàn cảnh đối tượng được sử dụng. Về nguyên tắc, hành vi sử dụng không được chuyển giao quyền sử dụng thông qua hợp đồng li- xăng cũng không phải trường hợp li- xăng không tự nguyện sẽ bị coi là hành vi vi phạm.

Bởi vậy, chúng ta cần có biện pháp nhằm trang bị kiến thức pháp lí và kiến thức chuyên môn nghiệp vụ cần thiết cho những người làm công tác này. Khi họ được nâng cao trình độ chuyên môn, việc giải quyết các vi phạm SHCN sẽ chính xác, khách quan hơn và như vậy hiệu quả bảo hộ quyền SHCN sẽ được nâng cao.

- Mặt khác do những nguyên nhân nhất định mà trong các quy định của pháp luật nước ta đối với quyền SHCN vẫn còn những điểm chưa phù hợp với các quy định trong hiệp định TRIPS và của WTO như:

+ Các quy định về nhãn hiệu c nhận và nhãn hiệu nổi tiếng.

+ Một số điều kiện về cấp li- xăng không tự nguyện.

+ Các quy định về thiết kế, bố trí mạch tích hợp do chính phủ ban hành cần quy định rõ hơn và chi tiết hơn về thủ tục xác lập quyền sở hữu đối với thiết kế bố trí mạch tích hợp.

+ Về bảo hộ bí mật thương mại (thông tin bí mật hoặc bí mật kinh doanh) là phù hợp với hiệp định TRIPS nhưng mới chỉ dừng lại ở việc quy định nguyên tắc, vẫn quy định chi tiết hơn nữa thì việc thực hiện mới dễ dàng hơn.

- Về biện pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ:

Tháng 5/2008, dự án sửa đổi, bổ sung Luật sở hữu trí tuệ được khởi động, thực hiện trên cơ sở 5 quan điểm: (i) thể chế hóa quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, quy phạm hóa nội dung nghị quyết số 71/2006/QH11 về việc phê chuẩn Nghị định thư thành lập WTO của Việt Nam; (ii) bảo vệ lợi ích quốc gia; (iii) đảm bảo nguyên tắc cân bằng lợi ích giữa người sáng tạo nhà sử dụng và công chúng thụ hưởng; (iv) kế thừa các giá trị pháp luật đã được pháp luật kiểm nghiệm, tiếp thu các chuẩn mực quốc tế; (v) bảo đảm tính thống nhất về sở hữu trí tuệ. Từ các quan điểm trên, luật sở hữu trí tuệ được sửa đổi, bổ sung dựa trên 3 định hướng chính; (i) sửa đổi một số điều khoản có nội dung chưa tương thích với các điều ước quốc tế đa phương, các điều khoản khác phù hợp nhằm bảo vệ lợi ích, tổ chức, cá nhân Việt Nam trong hội nhập; (ii) sửa đổi, bổ sung một số điều khoản đang nảy sinh các vướng mắc trong thực thi; (iii) chỉnh sửa các lỗi kỹ thuật về nội dung của văn bản và các từ ngữ phù hợp với pháp luật hiện hành.

Từ các quan điểm và định hướng đã xác định, có bốn nhóm vấn đề đã được sửa đổi, bổ sung: (i) các điều khoản liên quan tới nội dung quyền tác giả; quyền liên quan và quyền đối với giống cây trồng thuộc phần hai và phần bốn; (ii) các điều khoản liên quan tới trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu, thuộc phần thứ ba và phần thứ sáu; (iii) các điều khoản liên quan tới kỹ thuật văn bản và thay đổi từ ngữ phù hợp với các quy định của pháp luật liên quan. (trích “ *Hội thảo khoa học bàn về luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật sở hữu trí tuệ* - trường đại học Luật Hà Nội, khoa Luật dân sự, Hà Nội 15- 10-2009).

III, Kết luận

Ngày 19/6/2009 Quốc Hội khóa XII, kì họp thứ 5 đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sở hữu trí tuệ. Như vậy, việc sửa đổi, bổ sung Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 đã khắc phục được những hạn chế của luật. Với ý nghĩa là văn bản quan trọng nhất trong hệ thống pháp luật sở hữu trí tuệ, việc sửa đổi bổ sung Luật sở hữu trí tuệ đã đáp ứng yêu cầu của thực tiễn hội nhập, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức cá nhân Việt Nam bình đẳng với công dân, pháp nhân nước ngoài nâng cao hiệu quả thực thi. Từ đó thúc đẩy sự nỗ lực, sáng tạo và bảo vệ thành quả sáng tạo góp phần phát triển kinh tế- xã hội.